

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 532/2023/HC-PT

Ngày 24 - 7 - 2023

*V/v khởi kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Khánh;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tuyền, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 288/2023/TLPT-HC ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do Bản án hành chính sơ thẩm số: 89/2022/HC-ST ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội có kháng cáo của người bị kiện.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 7971/2023/QĐ-PT ngày 06/7/2023 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:**

1. Ông Dương T, sinh năm 1948, có mặt;

2. Bà Lưu Thị Tố H, sinh năm 1953, vắng mặt;

HKTT: Số E G, phường P, quận Đ, Hà Nội;

Nơi ở hiện tại: Phòng 1807 tòa nhà A chung cư O, ngõ D đường N, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền cho ông T, bà H, gồm: Ông Nguyễn Ngọc K, ông Lê Văn K1, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn H1 (theo hợp đồng ủy quyền được công chứng số 518 ngày 13/6/2023), tất cả đều có mặt.

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Đ, chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. UBND quận Đ và Chủ tịch UBND quận Đ, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Hữu T2, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND quận Đ (văn bản ủy quyền số 5934 ngày 28 tháng 12 năm 2022), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch và UBND quận Đ: Ông Nghiêm Xuân H2 - Chuyên viên Ban QLDA đầu tư xây dựng, có mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND phường P, quận Đ;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Anh M, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường P (văn bản ủy quyền số 13/GUQ-UBND ngày 25/04/2022), vắng mặt.

2. Chị Dương Thị Thái A, sinh năm 1978, vắng mặt;

3. Cháu Vũ Dương An H3, sinh năm 2004, vắng mặt;

4. Anh Dương Mạnh H4, sinh năm 1980, vắng mặt;

5. Cháu Dương Thăng L, sinh 2017, vắng mặt;

Đều có HKTT: Số E G, phường P, quận Đ, Hà Nội; nơi ở hiện tại: Phòng 1807 tòa nhà A chung cư O, ngõ D đường N, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

6. Anh Dương Mạnh C, sinh năm 1976, vắng mặt;

7. Chị Vũ Hoàng P, sinh năm 1979, vắng mặt;

8. Cháu Dương Trung K2, sinh năm 2004, vắng mặt;

9. Cháu Dương Gia H5, sinh năm 2013, vắng mặt;

Đều có HKTT: Số E G, phường P, quận Đ, Hà Nội, nơi ở hiện tại: 2 P, quận B, Hà Nội.

** Người kháng cáo:* Chủ tịch UBND Thành phố H; UBND quận Đ, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/7/2007, UBND quận Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất cho ông Dương T vợ Lưu Thị Tố H đối với thửa đất số 95 tờ bản đồ số 5H-I-11; tại địa chỉ số E ngõ B đường G, phường P, quận Đ, Thành phố Hà Nội, diện tích 82,2 m², mục đích sử dụng đất ở đô thị, thời hạn sử dụng: Lâu dài. Tài sản trên đất là nhà bê tông 3 tầng, diện tích xây dựng 82,2 m², diện tích sử dụng 209 m², trên thực tế gia đình ông T sử dụng là 84,4 m².

Thực hiện Dự án xây dựng đường vành đai 2, đoạn V - chợ M1 - ngã Tư Vọng. Ngày 27/3/2020, UBND quận Đ ban hành Quyết định số 833/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là quyết định 833) về việc thu hồi 84,4 m² đất của hộ gia đình ông Dương T bà Lưu Thị Tố H tại địa chỉ trên. Cùng ngày UBND quận Đ ban hành Quyết định số 872/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 872) về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Theo đó, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hộ gia đình ông T bà H được nhận là 3.758.217.919 đồng, được mua 03 căn hộ tái định cư. Số tiền mua nhà tái định cư 3.423.142.440 đồng. Tổng số tiền còn được nhận là 335.075.539 đồng.

Ngày 21/4/2020, không đồng ý với việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, ông T gửi đơn khiếu nại Quyết định số 872 đến Chủ tịch UBND quận Đ, lý do quận áp dụng giá đất cụ thể để tính bồi thường không phải là giá đất tại thời điểm quyết định thu hồi đất, việc đền bù về đất theo QĐ 5151/QĐ-UBND là không đúng vì quyết định này đến thời điểm quyết định thu hồi đất đã hết hiệu lực, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Ngày 04/5/2020, UBND Thành phố H ban hành Thông báo số 136/TB-VP Kết luận của Phó Chủ tịch UBND Thành phố H tại cuộc họp giải quyết vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng và triển khai Dự án Vành đai 2 đoạn Cầu M - ngã tư V trên địa bàn quận H và quận Đ thể hiện:

- Về giá đất bồi thường, hỗ trợ: UBND quận Đ thông báo cho người dân về giá đất cụ thể đã được UBND thành phố quyết định phê duyệt cho Dự án theo đúng quy định của pháp luật.

- Về xác định vị trí đất làm cơ sở bồi thường đối với 15 hộ do ngõ đi có mặt cắt ngang không ổn định, vị trí mặt ngõ nhỏ nhất 1,96m: Thống nhất cho phép UBND quận Đ áp dụng bồi thường, hỗ trợ về đất theo vị trí 3.

Ngày 22/06/2020, UBND quận Đ ban hành Quyết định số 1760/ QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 1760) về phê duyệt điều chỉnh bổ sung, lý do điều chỉnh do không nhận 03 căn tái định cư và xin tự lo tái định cư, tăng tiền bồi thường về đất (từ Vị trí 4 áp dụng Vị trí 3 đường G do xác nhận bổ sung về nguồn gốc đất, tăng tiền bồi thường, hỗ trợ về tài sản. Theo đó, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quyết định 1760 là : 5.374.005.578 đồng).

Ngày 05/08/2020, Chủ tịch UBND quận Đ ban hành Quyết định số 2423/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 2423) về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) với nội dung giữ nguyên Quyết định 872. Không đồng ý, ông T tiếp tục khiếu nại Quyết định 2423/QĐ-UBND đến Chủ tịch UBND Thành phố H.

Ngày 23/4/2021, Chủ tịch UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 1865/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1865) về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) có nội dung đồng ý với Quyết định số 2423/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND quận Đ.

Không đồng ý với các quyết định nêu trên, ông Dương T và bà Lưu Thị Tố H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy bỏ Quyết định 1865 của Chủ tịch

UBND Thành phố H, Quyết định số 2423 của Chủ tịch UBND quận Đ, Quyết định số 872 và Quyết định số 1760 của UBND quận Đ; đồng thời yêu cầu UBND quận Đ thực hiện đúng thông báo số 136/TB-UBND ngày 04/5/2020 của UBND Thành phố H.

Người bị kiện là UBND và Chủ tịch UBND quận Đ trình bày: Về trình tự thủ tục và căn cứ pháp lý để UBND quận Đ ban hành Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường và tái định cư thực hiện theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại điểm đ, khoản 4 Điều 114 Luật đất đai thì giá đất cụ thể để làm căn cứ để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Việc xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính bồi thường, hỗ trợ được thực hiện trước thời điểm thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Việc áp dụng giá đất khi thực hiện giải phóng mặt bằng dự án thực hiện theo Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của UBND Thành phố H đã hướng dẫn.

Ngày 09/06/2020, UBND Thành phố H có văn bản số 2290/UBND-KT xử lý vướng mắc về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội, trong đó UBND thành phố chỉ đạo: Đối với trường hợp UBND cấp huyện đã ban hành quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư một phần thì tiếp tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo giá đất đã được phê duyệt, đảm bảo tính kế thừa và thống nhất trong cùng dự án.

Như vậy, phần diện tích 82,2m² bồi thường tỷ lệ 100% đơn giá đất cụ thể tại QĐ 5151 và Thông báo số 299/TB-CP là đúng thẩm quyền, đúng quy định và đúng chỉ đạo của UBND Thành phố H tại Văn bản 2290/UBND-KT. Phần diện tích 2,2m² bồi thường tỉ lệ 100% x đơn giá đất cụ thể của Dự án và khấu trừ nghĩa vụ tài chính 50% tiền sử dụng đất là đúng thẩm quyền, đúng quy định. Về bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất thực hiện theo Thông báo số 136/TB- VP của UBND Thành phố H. Việc bố trí tái định cư thực hiện theo quy định tại Quyết định số 10/2017 của UBND Thành phố H.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H trình bày:

Đại diện ủy quyền của Chủ tịch UBND Thành phố H giữ nguyên quan điểm tại Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 việc giải quyết khiếu nại, đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân phường P:

Tổng diện tích đất ông T bà H đang sử dụng 84,4 m² Diện tích đất bị thu hồi 84,4m², trong đó 82,2m² đất có giấy tờ về quyền sử dụng đất đã được UBND quận Đ GCNQSD đất năm 2007. Diện tích không có giấy tờ về quyền sử dụng đất 2,2m² là phần diện tích sai số do đo đạc trong quá trình cấp GCNQSD đất. Gia đình sử dụng toàn bộ ranh giới, thửa đất không thay đổi, không tranh chấp với người sử dụng đất liền kề, không lấn chiếm từ năm 2002 cho đến thời điểm giải phóng mặt bằng.

Trực tiếp sinh sống tại địa chỉ nơi thu hồi đất có 04 hộ, 03 cặp vợ chồng.

Ủy ban nhân dân khẳng định việc xác nhận nguồn gốc đất là đúng.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác là các con cháu ông T, bà H trình bày: Nhất trí với ý kiến của ông T, xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 89/2022/HC-ST ngày 24/6/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 3; Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật đất đai năm 2013; Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND Thành phố H về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 30/ 2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND Thành phố H về giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội; Luật Khiếu nại năm 2011; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương T bà Lưu Thị Tố H:

- Hủy phần Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của UBND quận Đ về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Hủy phần Quyết định số 1760/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND quận Đ về phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 872/QĐ-UBND.

- Hủy Quyết định số 2423/QĐ-UBND ngày 05/08/2020 của Chủ tịch UBND quận Đ về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 Chủ tịch UBND Thành phố H việc giải quyết khiếu nại (lần hai).

Buộc Ủy ban nhân dân quận Đ phải thực hiện lại việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ gia đình ông Dương T bà Lưu Thị Tố H theo đúng trình tự thủ tục, đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/9/2022 và ngày 05/9/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội nhận được đơn kháng cáo của người bị kiện là Chủ tịch UBND Thành phố H và UBND quận Đ, Thành phố Hà Nội với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo vắng mặt nhưng giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ông Nghiêm Xuân H2 bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho UBND và Chủ tịch UBND quận Đ trình bày: Ý kiến trình bày và khởi kiện của phía người khởi kiện là việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải áp dụng giá đất tại thời điểm thu hồi đất là đúng. Tuy nhiên, UBND quận Đ theo chỉ đạo của UBND Thành phố H là phải áp dụng giá đất thời điểm trước khi thu hồi đất để thống nhất với các nơi khác trong cùng dự án, nên UBND quận Đ đã áp dụng đơn giá đất theo Quyết số 96 và Quyết định số 5151 được ban hành năm 2018, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phía người khởi kiện trình bày: Theo quy định của pháp luật thì việc bồi thường khi thu hồi đất phải áp giá đất tại thời điểm thu hồi để thực hiện công tác bồi thường; việc thu hồi đất của gia đình ông T được thực hiện tháng 3/2020, nhưng UBND quận Đ lại áp dụng đơn giá đất theo Quyết định 95 được ban hành năm 2014 và Quyết định 5151 được ban hành năm 2018 để làm căn cứ áp dụng giá đất để bồi thường cho gia đình ông T là trái quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013; việc Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện để hủy các quyết định hành chính bị khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND Thành phố H và UBND quận Đ, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng các quy định của pháp Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của Chủ tịch UBND Thành phố H và UBND quận Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

** Về tố tụng:*

[1] Về Thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện là Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của UBND quận Đ về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 1760/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND quận Đ về phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 872/QĐ-UBND; Quyết định số 2423/QĐ-UBND ngày 05/08/2020 của Chủ tịch UBND quận Đ về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu); Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 Chủ tịch UBND Thành phố H việc giải quyết khiếu nại (lần hai). Đây là các quyết định hành chính cá biệt của cơ quan hành chính Nhà nước, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 23/4/2021 Chủ tịch UBND Thành phố H ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai; ngày 14/6/2021 ông Dương T và bà Lưu Thị Tố H có đơn khởi kiện vụ án hành chính là đang trong thời hạn một năm, nên đang trong thời hiệu

khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính. Ngoài các quyết định hành chính bị khởi kiện nêu trên thì mặc dù người khởi kiện không yêu cầu xem xét, giải quyết đối với Quyết định số 833/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của UBND quận Đ về việc thu hồi đất, nhưng đây là Quyết định hành chính liên quan, nên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xem xét tính hợp pháp, tính có căn cứ của quyết định hành chính có liên quan là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt, hoặc đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 158; khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

* *Về nội dung:* Xét kháng cáo của Chủ tịch UBND Thành phố H và UBND quận Đ, Thành phố Hà Nội, thấy:

[3] Xem xét về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 833/QĐ-UBND về việc thu hồi đất; Quyết định 872/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư; Quyết định số 1760/QĐ-UBND về phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, thấy: Dự án xây dựng tuyến đường bộ trên cao dọc đường vành đai 2 đoạn từ cầu V đến N, kết hợp với mở rộng theo quy hoạch phần đi bằng đoạn từ V đến N theo hình thức BT trên địa bàn quận Đ là dự án thuộc trường hợp thu hồi đất theo khoản 2 Điều 62 Luật Đất đai.

- Ngày 27/8/2013, UBND Thành phố H phê duyệt Dự án: Xây dựng tuyến đường bộ trên cao dọc đường Vành đai 2 đoạn từ cầu V đến N theo hình thức hợp đồng BT.

- Ngày 06/3/2017, UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 1537/QĐ-UBND về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án xây dựng tuyến đường bộ trên cao dọc đường Vành đai 2 đoạn từ cầu V đến N, kết hợp mở rộng theo quy hoạch phần đi bằng đoạn từ V đến N hình thức BT.

- Ngày 06/3/2020, UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 674/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của UBND quận Đ.

- Ngày 07/8/2018, UBND quận Đ ban hành Thông báo về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường bộ trên cao dọc đường Vành đai 2 đoạn từ cầu V đến N, kết hợp mở rộng theo quy hoạch phần đi bằng đoạn từ V đến N theo hình thức BT. Thông báo thu hồi đất được gửi đến ông T bà H là người có đất bị thu hồi.

- Ngày 30/11/2018, HĐBT, HT và TĐC quận Đ đã phối hợp với UBND phường P tiến hành điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại thửa đất nhà ông T bà H.

- Ngày 01/7/2019, UBND phường P ban hành Giấy xác nhận V/v sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất bị thu hồi, số nhân hộ khẩu trực tiếp đang ở trên đất bị thu hồi.

Căn cứ các quyết định trên, sau khi thực hiện các bước trình tự theo quy định của pháp luật; ngày 27/3/2020 UBND quận Đ ban hành Quyết định số 833/QĐ-UBND về việc thu hồi đất; Quyết định số 872/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Ngày 22/6/2020 UBND quận Đ ban hành Quyết định số 1760/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 về phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 872/QĐ-UBND là đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền.

[4] Về nguồn gốc sử dụng đất: Ngày 26/7/2007, UBND quận Đ GCNQSD đất cho ông Dương T và bà Lưu Thị Tố H đối với thửa đất số 95 tờ bản đồ số 5H-I-11 tại địa chỉ số E ngõ B đường G, phường P, quận Đ, Thành phố Hà Nội, diện tích 82,2m², mục đích sử dụng đất ở đô thị. Thời hạn sử dụng: Lâu dài. Tài sản trên đất là nhà bê tông 03 tầng; diện tích xây dựng: 82,2m² ; diện tích sử dụng 208m², thực tế gia đình ông T sử dụng là 84,4m². Ngày 29/4/2020, UBND phường P ban hành Giấy xác nhận chính thức bổ sung. Theo đó, xác định tổng diện tích đang sử dụng của gia đình ông T là 84,4m²; diện tích bị thu hồi là 84,4m²; diện tích có GCNQSD đất 82,2m²; diện tích không có GCNQSD đất ở là 2,2m² là phần diện tích sai số do đo đạc trong quá trình cấp GCNQSD đất. Gia đình sử dụng toàn bộ ranh giới thửa đất không thay đổi, không tranh chấp với người sử dụng đất liền kề, không lấn chiếm từ năm 2002 cho đến thời điểm giải phóng mặt bằng, UBND quận Đ ban hành Quyết định thu hồi 84,4m² đất và lập phương án bồi thường 84,4m² đất cho ông T bà H là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[5] Đối với Quyết định số 872 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Quyết định số 1760 về phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, thấy: Theo phương án chi tiết kèm theo thể hiện đơn giá đất thực hiện theo Quyết định số 7167/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND Thành phố H, hộ gia đình ông Dương T ở vị trí 4 đường Giải phóng là 34.708.197đồng/m²; theo Quyết định số 1760/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 về phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 872 thì giá đất là 39.170.000đồng/m² tương ứng với Vị trí 3 đường Giải Phóng (*áp dụng quyết định 5151/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của UBND Thành phố H về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất ở để xác định giá đất làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ*). Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013: “Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm

quyết định thu hồi đất”. Ngày 31/12/2019, UBND Thành phố H đã ban hành Quyết định số 30/QĐ-UBND về việc ban hành quy định và Bảng giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024. Như vậy, lẽ ra trước khi ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, thì UBND quận Đ phải trình xin UBND Thành phố H ban hành giá đất cụ thể để áp dụng từ năm 2020 cho Dự án. Tuy nhiên, khi UBND Thành phố H chưa ban hành giá đất cụ thể, thì ngày 27/3/2020 UBND quận Đ ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư vẫn áp dụng giá đất theo Quyết định số 96/QĐ-UBND và Quyết định 5151/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của UBND Thành phố về giá đất cụ thể để tính bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là không đúng. Hơn nữa, ngày 31/12/2019 UBND Thành phố H đã ban hành Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND về việc ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024. Tại Công văn số 2290/UBND-KT ngày 09/6/2020 của UBND Thành phố H cũng đã quy định: Trong trường hợp phê duyệt giá đất làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ tái định cư đã quá 12 tháng kể từ khi ban hành nhưng UBND cấp huyện chưa ban hành quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì UBND cấp huyện tổ chức khảo sát kỹ và đánh giá biến động giá đất trên thị trường khu vực nếu có biến động thì UBND cấp huyện đề xuất xác định lại giá đất làm căn cứ tính bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định; đến thời điểm quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư là sau gần 20 tháng so với Quyết định 5151/2018 nhưng UBND quận Đ vẫn áp dụng theo Bảng giá đất của Quyết định 96/2014 và Quyết định 5151 để làm căn cứ bồi thường là trái quy định, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

[6] Đối với Quyết định số 2423/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của Chủ tịch UBND quận Đ về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của Chủ tịch UBND Thành phố H về giải quyết khiếu nại (lần hai), thấy: Mặc dù về trình tự, thủ tục, thẩm quyền của hai quyết định nêu trên được thực hiện đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013, Luật Khiếu nại năm 2011. Tuy nhiên, về nội dung như đã phân tích ở trên thì việc UBND quận Đ đã không áp dụng giá đất cụ thể tại thời điểm quyết định thu hồi đất theo Quyết định 30/QĐ-UBND để xác định làm căn cứ áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Dương T là không đúng quy định, nhưng Quyết định 2423 và Quyết định 1865 không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông T, giữ nguyên các quyết định của UBND quận Đ về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với hộ gia đình ông T là xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông T, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã hủy cả hai quyết định nêu trên là có căn cứ.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đã giải quyết vụ án đảm bảo đúng, đầy đủ quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự, Chủ tịch UBND Thành phố H và UBND quận Đ, Thành phố Hà Nội kháng cáo nhưng không có thêm tài

liệu gì mới làm căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của phía người bị kiện; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[7] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

1. Bác kháng cáo của Chủ tịch UBND Thành phố H và UBND quận Đ, Thành phố Hà Nội; giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 89/2022/HC-ST ngày 24/6/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Chủ tịch UBND Thành Phố H phải chịu 300.000đ và UBND quận Đ, Thành phố Hà nội phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp các tại Biên lai thu tiền số 0001060 ngày 12/10/2022 và số 0001104 ngày 19/10/2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội, xác nhận Chủ tịch UBND Thành phố H và UBND quận Đ, Thành phố Hà Nội đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- Cục THADS Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ (2b), phòng HCTP (2b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm